

PHỤ LỤC 4.2
QUY ĐỊNH TÍNH ĐIỂM CỘNG
ĐỐI VỚI THÍ SINH XÉT TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC
DỰA TRÊN KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025 - PHƯƠNG THỨC 2 (Mã PT 100)

1. Điểm cộng

Công thức tính điểm cộng theo thang 30

- Điểm cộng bằng điểm cộng cơ sở đối với thí sinh có tổng điểm nhỏ hơn 28 điểm.
- Điểm cộng đối với thí sinh có tổng điểm từ 28,0 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm cộng} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được của thí sinh}) / 2] * \text{Điểm cộng cơ sở}$$

2. Nguyên tắc xét giải để quy ra điểm cộng

- Trường hợp thí sinh thỏa nhiều điều kiện cộng điểm ưu tiên, thí sinh chỉ được cộng một loại điểm ưu tiên cao nhất (xem chi tiết trong thông báo tuyển sinh);
- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa.
- Đối với các giải khoa học kỹ thuật, Hội đồng tuyển sinh sẽ đánh giá nội dung giải thưởng để xác định ngành /nhóm ngành được cộng.
- Thí sinh chỉ được xét điểm cộng nếu thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển. Ngoại trừ Trí tuệ nhân tạo chỉ áp dụng đối với kỳ thi tuyển chọn đoàn học sinh Việt Nam tham gia Kỳ thi Olympic Trí tuệ nhân tạo toàn quốc VOAİ.

3. Môn đoạt giải được cộng điểm (*)

- Thí sinh đoạt giải các môn sau đều được điểm cộng: Toán học, Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Tin học, Trí tuệ nhân tạo (chỉ áp dụng đối với kỳ thi tuyển chọn đoàn học sinh Việt Nam tham gia Kỳ thi Olympic Trí tuệ nhân tạo toàn quốc VOAİ, Tiếng Anh.
- Riêng thí sinh đoạt giải môn Địa lý thì được cộng điểm vào các ngành/nhóm ngành như sau: Hải dương học, Nhóm ngành Địa chất học, Kinh tế đất đai, Kỹ thuật địa chất, Khoa học Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên môi trường.

4. Điểm cộng cơ sở

Điểm cộng cơ sở được quy định theo giải cuộc thi như sau:

STT	Thành tích/loại giải	Điểm cộng cơ sở/thang 30	
		Điểm số	Điểm chữ
1	• Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/ quốc tế các môn tại khoản 3 như trên (*).	2,00	Hai chẵn

STT	Thành tích/loại giải	Điểm cộng cơ sở/thang 30	
		Điểm số	Điểm chữ
2	• Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành/ ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.	2,00	Hai chẵn
3	• Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/ quốc tế các môn tại khoản 3 như trên (*).	1,75	Một điểm bảy lăm
4	• Thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành/ ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.	1,75	Một điểm bảy lăm
5	• Thí sinh thi học sinh giỏi cấp tỉnh/ cấp thành phố trực thuộc trung ương đoạt giải nhất, nhì đối với các môn tại khoản 3 như trên (*).	1,50	Một điểm rưỡi
6	• Thí sinh thi học sinh giỏi cấp tỉnh/ cấp thành phố trực thuộc trung ương đoạt giải ba đối với các môn tại khoản 3 như trên (*).	1,00	Một chẵn
7	• Thí sinh dự thi cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/cấp thành phố trực thuộc trung ương đoạt giải nhất, nhì trong hệ thống tuyển chọn cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành / ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.	1,50	Một điểm rưỡi
8	• Thí sinh dự thi cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/cấp thành phố trực thuộc trung ương đoạt giải ba trong hệ thống tuyển chọn cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành / ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.	1,00	Một chẵn

STT	Thành tích/loại giải	Điểm cộng cơ sở/thang 30	
		Điểm số	Điểm chữ
9	• Thí sinh đoạt giải Vô địch, nhất, nhì trong cuộc thi lập trình ICPC Trung học Phổ thông Quốc gia (*).	2,00	Hai chẵn
10	• Thí sinh đoạt giải ba, khuyến khích trong cuộc thi lập trình ICPC Trung học Phổ thông Quốc gia (*).	1,75	Một điểm bảy lăm
11	• Thí sinh đạt huy chương Vàng, Bạc trong Kỳ thi Olympic 30/4 có nội dung môn thi các môn tại khoản 3 như trên (*).	1,50	Một điểm rưỡi
12	• Thí sinh đạt huy chương Đồng trong Kỳ thi Olympic 30/4 có nội dung môn thi các môn tại khoản 3 như trên (*).	1,00	Một chẵn